TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH LIÊM** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 11 - 2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Xuân Luyện;

2. Ông Hoàng Đức Cường.

- Thư ký phiên toà: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST, ngày 23/10/2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Viết H - sinh năm 1980;
2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị T - sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Thôn O, xã T T, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt anh H, chị T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2018, nguyên đơn Vũ Viết H trình bày:

Anh kết hôn với chị Trần Thị T vào năm 2000, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T, huyện T L. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 6 năm, đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống cũng như làm ăn kinh tế. Mặt khác, do khi mới lấy nhau kinh tế khó khăn, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng và trầm trọng. Đến năm 2006, chị T đã bỏ đi làm ăn xa, nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Việt Đ - sinh ngày 16/02/2001; hiện tại cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu Vũ Việt Đ cho anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn Trần Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Viết H kết hôn với nhau trên cơ sở có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T T, huyện T L ngày 28/12/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, vợ chồng không tin tưởng nhau. Mặt khác, do kinh tế khó khăn dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã, cuộc sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H có đơn xin ly hôn với chị, chị cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Việt Đ - sinh ngày 16/02/2001. Hiện nay cháu đang ở cùng anh H và ông bà nội, nếu ly hôn chị đề nghị giao cháu Việt Đ cho chị nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh H

phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H giữ nguyên ý kiến trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử cho ly hôn giữa anh Vũ Viết H và chị Trần Thị T. Giao cháu Vũ Việt Đ cho anh Vũ Viết H nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí ly hôn sơ thẩm, anh Vũ Viết H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Vũ Viết H có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là chị Trần Thị T hiện đang có HKTT và cư trú tại xã T T, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn chị Trần Thị T vẫn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Vũ Viết H và chị Trần Thị T kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2000 tại UBND xã T T, huyện T , tỉnh Hà Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân gia đình bảo vệ. Sau

khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống cũng như làm ăn kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh H xin ly hôn, chị T cũng thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa anh H, chị T là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Anh, chị cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Việt Đ - sinh ngày 16/02/2001, từ khi anh, chị sống ly thân cháu ở cùng anh H và ông bà nội. Trong thời gian nuôi dưỡng cháu anh H đều đảm bảo tốt các điều kiện nuôi dưỡng cháu, bản thân cháu Vũ Việt Đ cũng có nguyện vọng ở với anh H. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định cho cháu nên giao con chung của vợ chồng cho anh Vũ Viết H nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật và thực tế. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh Vũ Viết H, chị Trần Thị T đều không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Vũ Viết H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Xử cho ly hôn giữa anh Vũ Viết H và chị Trần Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Việt Đ - sinh ngày 16/02/2001 cho anh Vũ Viết H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Viết H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai số 04378 ngày 08/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn anh Vũ Viết H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Trần Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã T T, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Cảnh